**PHỤ LỤC 1c**

**NỘI DUNG VĂN KIỆN**

**CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN[[1]](#footnote-1)**

**(Tên chương trình)**

**THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH**

1. **Tên chương trình:**
2. **Mã ngành chương trình[[2]](#footnote-2)**:……………  **Mã số chương trình[[3]](#footnote-3)**:……….
3. **Tên nhà tài trợ:**
4. **Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:**

a) Địa chỉ liên lạc:………… b) Số điện thoại/Fax:……………

1. **Cơ quan chủ quản:**

a) Địa chỉ liên lạc:………… b) Số điện thoại/Fax:……………

1. **Chủ chương trình:**

a) Địa chỉ liên lạc:………… b) Số điện thoại/Fax:……………

1. **Thời gian dự kiến thực hiện chương trình[[4]](#footnote-4):**
2. **Địa điểm thực hiện chương trình** (ghi rõ tới cấp huyện, nếu có thể áp dụng được)**:**
3. **Tổng vốn của chương trình**: …………..USD
	1. Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại: …………….nguyên tệ, tương đương……………. USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình)

* 1. Vốn đối ứng:

- Tiền mặt: …………...VND tương đương với…………….. USD

- Hiện vật: tương đương …………...VND tương đương với…………….. USD

1. **Mục tiêu và kết quả chủ yếu của chương trình**

Khái quát mục tiêu và kết quả của chương trình.

|  |  |
| --- | --- |
| Chủ Chương trình ký tên và đóng dấuĐại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần) | Ngày tháng nămNgày tháng năm |

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN**

1. **Căn cứ hình thành chương trình**
2. Cơ sở pháp lý
3. Quyết định của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ
4. Quyết định của cơ quan chủ quản về chủ chương trình
5. Các văn bản pháp lý liên quan
6. Bối cảnh của chương trình
7. Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của chương trình trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).
8. Nêu các chương trình tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các chương trình, dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.
9. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ chương trình.
10. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình.
11. **Cơ sở đề xuất nhà tài trợ**
12. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
13. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.
14. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.
15. **Mục tiêu của chương trình**
16. Mục tiêu tổng thể

Mô tả hiệu quả, những lợi ích lâu dài mà chương trình đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhóm đối tượng liên quan.

1. Mục tiêu thành phần

Mô tả các mục tiêu thành phần cần đạt được để hỗ trợ đạt được mục tiêu tổng thể của chương trình.

1. **Các kết quả chủ yếu của chương trình**

Xác định rõ các kết quả cuối cùng của chương trình và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

1. **Các dự án thành phần hoặc cấu phần và hoạt động của chương trình**
2. Mô tả các thành phần của chương trình, các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần và các hoạt động tương ứng, gồm:
* Mục đích
* Các kết quả dự kiến
* Tổ chức thực hiện
* Thời gian bắt đầu và kết thúc
* Dự kiến nguồn lực.
1. Mô tả mối quan hệ tương tác giữa các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần của chương trình.
2. **Ngân sách chương trình**
3. Tổng vốn của chương trình

 Tổng vốn của cả chương trình:................. USD

*Trong đó:*

Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại: …………….nguyên tệ, tương đương……………. USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình)

- Vốn đối ứng:…………...VND tương đương với…………….. USD

 *Trong đó:* Hiện vật: tương đương……….. VND Tiền mặt:………VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số trong các hình thức sau:

-Vốn ngân sách nhà nước cấp phát…………VND (….. %) tổng vốn đối ứng

(trong đó: vốn NS trung ương …%, Vốn NS địa phương…..%)

- Vốn tín dụng ưu đãi………………VND (….. %) tổng vốn đối ứng

- Vốn của cơ quan chủ quản……………VND (….. %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ chương trình……VND (….. %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có)….VND (….. %) tổng vốn đối ứng.

1. Vốn cho từng thành phần (nếu có) hoặc cấu phần.
2. Cơ cấu vốn của các thành phần chương trình phân theo: dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế); xây lắp; thiết bị và vật tư (trong nước, ngoài nước); đào tạo (trong nước, ngoài nước); các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá chương trình và các chi phí khác.
3. **Các quy định về quản lý tài chính của chương trình**
4. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng…)
5. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán
6. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản…)
7. Kiểm toán chương trình
8. **Tổ chức quản lý thực hiện chương trình**
9. Cơ cấu tổ chức
10. Mô hình tổ chức quản lý chương trình theo thoả thuận với nhà tài trợ
11. Hoạt động của Ban quản lý dự án tuân theo quy định tại Thông tư số …/2010/TT-BKH ngày về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009
12. Cơ chế phối hợp
13. Phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ chương trình, các đơn vị thực hiện cấu phần và Ban quản lý chương trình.
14. Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện chương trình với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện chương trình
15. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ chương trình sẽ được giao thực hiện chương trình, bao gồm cả năng lực tài chính.
16. **Theo dõi và đánh giá chương trình**
17. Xây dựng chi tiết kế hoạch theo dõi thực hiện chương trình trên các mặt:
18. Thực hiện chương trình
19. Quản lý chương trình
20. Xử lý, phản hồi thông tin theo dõi
21. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện chương trình
22. Đánh giá ban đầu
23. Đánh giá giữa kỳ
24. Đánh giá kết thúc
25. Chế độ kiểm tra, báo cáo của chương trình.

Tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009

1. **Tác động của chương trình**
	1. Phân tích tác động của chương trình đối với đối tượng thụ hưởng (trực tiếp, gián tiếp)

Nêu rõ những lợi ích đối với các đối tượng thụ hưởng sau khi dự án kết thúc (bằng định tính và định lượng).

* 1. Phân tích các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của chương trình
		1. Mô tả các tác động kinh tế - xã hội của chương trình: xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, thu nhập cho người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng....
		2. Mô tả các tác động môi trường của chương trình
	2. Tác động giới.
1. **Rủi ro**

Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và nêu các biện pháp để khắc phục rủi ro.

1. **Đánh giá tính bền vững của chương trình sau khi kết thúc**

Đánh giá tính bền vững của chương trình trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: kết quả của chương trình được duy trì và phát triển sau khi chương trình kết thúc.
2. Bền vững về tổ chức: cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của chương trình được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi chương trình kết thúc.
3. Bền vững về tài chính: sau khi hết tài trợ, các hoạt động của chương trình có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.
4. Bền vững về môi trường: môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện chương trình được bảo tồn sau khi chương trình kết thúc.

*Văn kiện chương trình có thể có một số phụ lục sau:*

* 1. Đề cương chi tiết cho từng dự án thành phần hoặc cấu phần
	2. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện chương trình
	3. Khung logic
	4. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
	5. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách chương trình
	6. Ảnh minh hoạ
	7. Bản đồ
	8. Các tài liệu có liên quan khác.
1. Áp dụng đối với chương trình, dự án có nhiều cấu phần, đa lĩnh vực và chỉ có một cơ quan chủ quản. [↑](#footnote-ref-1)
2. Mã ngành kinh tế quốc dân của chương trình, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyếtđịnh số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ). [↑](#footnote-ref-2)
3. Mã chương trình - không bắt buộc, có thể do Bên tài trợ cung cấp. [↑](#footnote-ref-3)
4. Xácđịnhsố năm hoặc số tháng cần thiếtđểthực hiện chương trình kể từ ngày chương trình có hiệu lực. [↑](#footnote-ref-4)